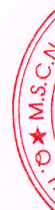


**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

*Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2023*

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN CÔNG TRÌNH**



MỤC LỤC

----- oOo -----

---

---

	Trang
1. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH	01 - 02
2. BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	03 - 04
3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	05 - 06
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	07
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	08
6. BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	09 - 28

---

---

3005  
C  
CÔ  
K  
/À D  
M  
BA

# CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN CÔNG TRÌNH

## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2023

Hội đồng Quản trị và Ban điều hành trân trọng đề trình báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2023.

### 1. Thông tin chung về Công ty

#### Thành lập:

Công ty Cổ phần Cơ điện Công trình (sau đây gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty TNHH MTV Cơ điện Công trình được cổ phần hóa và chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Cơ điện Công trình theo Quyết định số 1366/QĐ-UBND ngày 18/3/2016 của UBND thành phố Hà Nội và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100106190 ngày 04/4/2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 12 ngày 19/10/2022, vốn điều lệ của Công ty là 186.000.000.000 đồng (Một trăm tám mươi sáu tỷ đồng).

#### Hình thức sở hữu vốn:

Công ty cổ phần

#### Lĩnh vực kinh doanh của Công ty

Sản xuất, xây dựng và dịch vụ thương mại.

Mã chứng khoán: MES

Trụ sở chính: Tầng 8, tháp A, tòa nhà tổ hợp Sky Tower, 88 Láng Hạ, P.Láng Hạ, Q.Đống Đa, Hà Nội

### 2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong kỳ của Công ty được trình bày trong các báo cáo tài chính đính kèm.

### 3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban điều hành

Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban điều hành trong kỳ và đến ngày lập báo cáo tài chính gồm có:

#### Hội đồng Quản trị

Ông: Cao Tiến Dũng	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông: Trần Minh Cường	Thành viên Hội đồng quản trị
Ông: Tô Hữu Chung	Thành viên Hội đồng quản trị

#### Ban điều hành

Ông: Cao Tiến Dũng	Chủ tịch HĐQT - Tạm thời phụ trách điều hành
Ông: Tô Hữu Chung	Phó Tổng Giám đốc

### 4. Kiểm toán độc lập

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học MOORE AISC được lựa chọn là đơn vị soát xét báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2023.

## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2023

### 5. Cam kết của Hội đồng Quản trị và Ban điều hành

Hội đồng Quản trị và Ban điều hành chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2023. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính này, Hội đồng Quản trị và Ban điều hành đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Hội đồng Quản trị và Ban điều hành chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính phù hợp với chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh cho các Báo cáo tài chính. Hội đồng Quản trị và Ban điều hành cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

### 6. Xác nhận

Theo ý kiến của Hội đồng Quản trị và Ban điều hành, chúng tôi xác nhận rằng các Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2023. Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.

Thay mặt Hội đồng Quản trị và Ban điều hành

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN CÔNG TRÌNH**



**Cao Tiên Dũng**

Chủ tịch Hội đồng quản trị - Người đại diện theo pháp luật  
Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2023



## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi:** Quý Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban điều hành  
Công ty Cổ phần Cơ điện Công trình

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Cơ điện Công trình được lập ngày 14 tháng 08 năm 2023, từ trang 05 đến trang 28, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

### Trách nhiệm của Hội đồng quản trị và Ban điều hành

Hội đồng Quản trị và Ban điều hành Công ty Cổ phần Cơ điện Công trình chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Tuy nhiên, do vấn đề mô tả tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận", chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp để làm cơ sở đưa ra kết luận về Báo cáo soát xét.

### Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận

Chúng tôi không thu thập được thư xác nhận số dư đối với khoản phải thu khách hàng với giá trị tại ngày 30/06/2023 là 9.089.502.713 đồng (Tại ngày 01/01/2023 là 11.786.564.940 đồng); người mua trả trước với giá trị tại ngày 30/06/2023 là 433.962.487 đồng (Tại ngày 01/01/2023 là 433.962.490 đồng); phải thu khác với giá trị tại ngày 30/06/2023 là 29.067.857.190 đồng (Tại ngày 01/01/2023 là 29.049.860.317 đồng); phải trả người bán với giá trị tại ngày 30/06/2023 là 4.539.407.817 đồng (Tại ngày 01/01/2023 là 5.802.480.717 đồng); trả trước cho người bán với giá trị tại ngày 30/06/2023 là 729.667.377 đồng (Tại ngày 01/01/2023 là 670.523.376 đồng). Các thủ tục kiểm toán thay thế cũng không cung cấp đầy đủ bằng chứng kiểm toán để chúng tôi đưa ra ý kiến về tính hiện hữu, đầy đủ của các khoản mục này trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2023 đến 30/6/2023 của Công ty.

Công ty chưa đánh giá khả năng thu hồi của các khoản phải thu khách hàng với giá trị tại ngày 30/06/2023 là 8.976.590.154 đồng (Tại ngày 01/01/2023 là 9.076.590.154 đồng); phải thu khác với giá trị tại ngày 30/06/2023 là 2.099.466.718 đồng (Tại ngày 01/01/2023 là 2.056.392.890 đồng); trả trước cho người bán với giá trị ngày 30/06/2023 là 545.723.375 đồng (Tại ngày 01/01/2023 là 545.723.375 đồng) đã tồn đọng từ các năm trước để xem xét trích lập dự phòng phải thu khó đòi. Chúng tôi không thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến vấn đề nêu trên, nên chúng tôi không đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đến Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2023 đến 30/6/2023 của Công ty.

Công ty chưa thực hiện đánh giá giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho để xem xét trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa chậm luân chuyển với giá gốc là 2.505.527.631 đồng và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của các công trình tồn đọng lâu ngày với giá gốc là 676.158.735 đồng. Chúng tôi không thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến vấn đề nêu trên, nên chúng tôi không đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đến Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2023 đến 30/6/2023 của Công ty.

**Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận (tiếp theo)**

Tài sản cố định khác là các cây lâu năm có nguyên giá 651.085.030 đồng chưa được Công ty trích khấu hao. Với những tài liệu hiện có tại Công ty, chúng tôi không thu thập được đầy đủ các bằng chứng thích hợp về giá trị nguyên giá tài sản cố định nêu trên cũng như số khấu hao ước tính cần phải trích lập. Theo đó, chúng tôi không đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đến Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2023 đến 30/6/2023 của Công ty.

**Từ chối đưa ra kết luận**

Do tầm quan trọng của vấn đề nêu tại "Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận", chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp để làm cơ sở đưa ra kết luận về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/6/2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra kết luận nào về Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

**Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Cơ điện Công trình cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/6/2022 và báo cáo tài chính năm 2022 đã được soát xét và kiểm toán bởi Kiểm toán viên và Công ty Kiểm toán khác. Kiểm toán viên đã từ chối đưa ra kết luận và từ chối đưa ra ý kiến đối với báo cáo tài chính này tại ngày 30/3/2023.



---

**Phạm Xuân Sơn**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

Kiểm toán số: 1450-2023-005-1

Thay mặt và đại diện

**Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ**

**Tin học MOORE AISC**

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2023

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	30/6/2023	01/01/2023
<b>A.</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>43.125.774.648</b>	<b>44.105.696.121</b>
<b>I.</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>6.214.883.809</b>	<b>7.832.670.879</b>
1.	Tiền	111		1.889.161.817	1.105.354.537
2.	Các khoản tương đương tiền	112		4.325.721.992	6.727.316.342
<b>II.</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.2</b>	<b>13.617.806.366</b>	<b>10.952.590.635</b>
1.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		13.617.806.366	10.952.590.635
<b>III.</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>19.702.046.408</b>	<b>21.679.974.171</b>
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	9.773.248.014	11.942.264.294
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	830.804.349	702.520.348
3.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	9.097.994.045	9.035.189.529
<b>IV.</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.6</b>	<b>3.181.686.366</b>	<b>3.181.686.366</b>
1.	Hàng tồn kho	141		3.181.686.366	3.181.686.366
<b>V.</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>409.351.699</b>	<b>458.774.070</b>
1.	Thuế GTGT được khấu trừ	152		234.181.476	283.603.847
2.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.11	175.170.223	175.170.223
<b>B.</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>134.500.738.558</b>	<b>135.090.729.984</b>
<b>I.</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>21.063.117.599</b>	<b>21.063.117.599</b>
1.	Phải thu dài hạn khác	216	V.5	21.063.117.599	21.063.117.599
<b>II.</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>66.697.620.959</b>	<b>67.287.612.385</b>
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	53.261.643.959	53.851.635.385
-	Nguyên giá	222		67.469.959.198	67.469.959.198
-	Giá trị hao mòn lũy kế	223		(14.208.315.239)	(13.618.323.813)
2.	Tài sản cố định vô hình	227	V.8	13.435.977.000	13.435.977.000
-	Nguyên giá	228		13.435.977.000	13.435.977.000
<b>III.</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.2</b>	<b>46.740.000.000</b>	<b>46.740.000.000</b>
1.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		30.740.000.000	30.740.000.000
2.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		16.000.000.000	16.000.000.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>270</b>		<b>177.626.513.206</b>	<b>179.196.426.105</b>

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	30/6/2023	01/01/2023
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>300</b>		<b>6.134.294.355</b>	<b>7.440.651.189</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>310</b>		<b>5.522.037.395</b>	<b>6.823.394.229</b>
1. Phải trả cho người bán ngắn hạn		311	V.9	4.640.544.789	5.834.477.689
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		312	V.10	433.962.487	433.962.490
3. Phải trả người lao động		314		15.047.550	78.426.026
4. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		318		-	44.045.455
5. Phải trả ngắn hạn khác		319	V.12	415.104.258	415.104.258
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		322		17.378.311	17.378.311
<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>330</b>		<b>612.256.960</b>	<b>617.256.960</b>
1. Phải trả dài hạn khác		337	V.12	612.256.960	617.256.960
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>400</b>		<b>171.492.218.851</b>	<b>171.755.774.916</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>		<b>410</b>	<b>V.13</b>	<b>171.492.218.851</b>	<b>171.755.774.916</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu		411		186.000.000.000	186.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		411a		186.000.000.000	186.000.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		421		(14.507.781.149)	(14.244.225.084)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		421a		(14.244.225.084)	(14.170.862.016)
- LNST chưa phân phối kỳ này		421b		(263.556.065)	(73.363.068)
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>440</b>		<b>177.626.513.206</b>	<b>179.196.426.105</b>

*Trần Phương Lan*

*Nguyễn Thị Vân Hà*



**Trần Phương Lan**  
Người lập biểu

**Nguyễn Thị Vân Hà**  
Phụ trách kế toán

**Cao Tiên Dũng**  
Chủ tịch HĐQT

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2023



## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.727.329.143	962.091.536
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.727.329.143	962.091.536
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	1.039.690.238	1.241.032.692
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>687.638.905</b>	<b>(278.941.156)</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	515.394.321	341.796.951
7. Chi phí tài chính	22		6.114	-
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	VI.4	95.383.735	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.4	1.331.432.628	769.469.191
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))</b>	<b>30</b>		<b>(223.789.251)</b>	<b>(706.613.396)</b>
11. Thu nhập khác	31		3	-
12. Chi phí khác	32	VI.5	39.766.817	41.187.515
<b>13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>(39.766.814)</b>	<b>(41.187.515)</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>(263.556.065)</b>	<b>(747.800.911)</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.7	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>(263.556.065)</b>	<b>(747.800.911)</b>
<b>18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>VI.8</b>	<b>(14,17)</b>	<b>(40,20)</b>

*Trần*

Trần Phương Lan  
Người lập biểu

*Uhal*

Nguyễn Thị Vân Hà  
Phụ trách kế toán



Cao Tiên Dũng  
Chủ tịch HĐQT

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2023

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(263.556.065)	(747.800.911)
2. Điều chỉnh cho các khoản :				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		589.991.426	602.309.862
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(118.636)	(48.207)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(515.275.685)	(341.796.951)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn	08		(188.958.960)	(487.336.207)
- Tăng (-), giảm (+) các khoản phải thu	09		2.118.139.420	(149.652.762)
- Tăng (+), giảm (-) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		(1.306.238.198)	1.389.833.481
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		622.942.262	752.844.512
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(3.865.215.731)	-
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		1.200.000.000	-
3. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		424.486.399	221.578.585
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(2.240.729.332)	221.578.585
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+ 30 + 40)	50		(1.617.787.070)	974.423.097
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		7.832.670.879	13.404.138.872
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	48.207
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70	V.1	6.214.883.809	14.378.610.176

*Trần Phương Lan*

Trần Phương Lan  
Người lập biểu

*Nguyễn Thị Vân Hà*

Nguyễn Thị Vân Hà  
Phụ trách kế toán



Cao Tiến Dũng  
Chủ tịch HĐQT

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2023

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

## I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

## 1. Thành lập:

Công ty Cổ phần Cơ điện Công trình (sau đây gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty TNHH MTV Cơ điện Công trình được cổ phần hóa và chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Cơ điện Công trình theo Quyết định số 1366/QĐ-UBND ngày 18/3/2016 của UBND thành phố Hà Nội và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100106190 ngày 04/4/2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 12 ngày 19/10/2022, vốn điều lệ của Công ty là 186.000.000.000 đồng (Một trăm tám mươi sáu tỷ đồng).

## Hình thức sở hữu vốn:

Công ty cổ phần

## 2. Lĩnh vực kinh doanh:

Sản xuất, xây dựng và dịch vụ thương mại.

## 3. Ngành nghề kinh doanh

- + Xây dựng công trình công ích
- + Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan. Chi tiết: Trồng, chăm sóc, uơng cây, bảo vệ, chặt hạ, dịch chuyển cây xanh đô thị;
- + Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại. Lắp đặt hệ thống điện. Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng;
- + Hoàn thiện công trình xây dựng;
- + Phá dỡ, chuẩn bị mặt bằng. Thu gom rác thải không độc hại. Thu gom rác thải độc hại;
- + Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác. Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận;
- + Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản;
- + Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp. Chi tiết: Dịch vụ công ích trực tiếp phục vụ công cộng khu đô thị như quản lý, khai thác, duy tu hệ thống các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị. Vệ sinh môi trường và bảo vệ môi trường sinh thái. Quản lý công viên, cây xanh. Chiếu sáng đô thị, cấp nước, thoát nước. Quản lý chung cư, quản lý vận hành hệ thống chiếu sáng công cộng đô thị.

## Trụ sở chính:

Tầng 8, tháp A, tòa nhà tổ hợp Sky Tower, 88 Láng Hạ, P.Láng Hạ, Q.Đống Đa, Hà Nội

## 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của Công ty kéo dài trong vòng 12 tháng theo năm tài chính thông thường bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

## 5. Tổng số nhân viên đến ngày 30 tháng 6 năm 2023: 21 nhân viên. (Ngày 30 tháng 6 năm 2022: 24 nhân viên)

## 6. Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty đầu tư vào 01 công ty liên kết là Công ty Cổ phần Bất động sản Sài Đồng có trụ sở chính tại phố Sài Đồng, phường Việt Hưng, quận Long Biên, Hà Nội. Hoạt động kinh doanh chính của Công ty liên kết là kinh doanh bất động sản. Tại thời điểm 30/6/2023, số cổ phần biểu quyết của Công ty tại công ty liên kết là 5.800.000 cổ phần tương ứng 29% vốn điều lệ (Sở hữu 3.074.000 cổ phần đã đóng đủ tiền và quyền được mua 2.726.000 cổ phần theo mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần).

## 7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc có thể so sánh được giữa các kỳ kế toán tương ứng.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****1. Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đồng Việt Nam (đồng) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC được Bộ Tài chính Việt Nam ban hành ngày 22/12/2014 và Thông tư 53/2016/TT-BTC được Bộ Tài chính ban hành ngày 21 tháng 03 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán.**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán lập và trình bày báo cáo tài chính theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo cáo tài chính".

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG****1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Công ty thực hiện quy đổi đồng ngoại tệ ra đồng Việt Nam căn cứ vào tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán.

**Nguyên tắc xác định tỷ giá giao dịch thực tế**

Tất cả các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong năm (mua bán ngoại tệ, góp vốn hoặc nhận vốn góp, ghi nhận nợ phải thu, nợ phải trả, các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ) được hạch toán theo tỷ giá thực tế tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ (tiền, tương đương tiền, các khoản phải thu và phải trả, ngoại trừ các khoản mục khoản trả trước cho người bán, người mua trả tiền trước, chi phí trả trước, các khoản đặt cọc và các khoản doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

**Nguyên tắc xác định tỷ giá ghi sổ kế toán**

Khi thu hồi các khoản nợ phải thu, các khoản ký cược, ký quỹ hoặc thanh toán các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ, Công ty sử dụng tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh.

Khi thanh toán tiền bằng ngoại tệ, Công ty sử dụng tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động.

**2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính****Nguyên tắc kế toán đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, các khoản đầu tư này được đánh giá theo giá trị có thể thu hồi. Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và ghi giảm giá trị đầu tư.

**Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết**

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận khi Công ty nắm giữ từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của các công ty được đầu tư, có ảnh hưởng đáng kể trong các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động tại các công ty này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó không được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của các nhà đầu tư trong tài sản thuần của bên nhận đầu tư. Giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, liên doanh, liên kết được trích lập khi doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư bị lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn hoặc khi giá trị các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị suy giảm giá trị. Căn cứ để trích lập dự phòng tổn thất đầu tư là báo cáo tài chính hợp nhất của công ty được đầu tư (nếu công ty này là công ty mẹ), là báo cáo tài chính của công ty được đầu tư (nếu công ty này là doanh nghiệp độc lập không có công ty con).

**Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là khoản Công ty đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Khoản đầu tư mà Công ty nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư, việc lập dự phòng tổn thất được thực hiện như sau:

+ Khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư. Căn cứ để trích lập dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác là báo cáo tài chính hợp nhất của công ty được đầu tư (nếu công ty này là công ty mẹ), là báo cáo tài chính của công ty được đầu tư (nếu công ty này là doanh nghiệp độc lập không có công ty con).

**Phương pháp kế toán đối với khoản cổ tức được chia bằng cổ phiếu**

Đối với khoản cổ tức được chia bằng cổ phiếu, Công ty chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu được nhận trên thuyết minh Báo cáo tài chính, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc tài sản phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư không phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính mà ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc tài sản phi tiền tệ cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

**4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:**

**Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu:** theo giá gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải thu.

**Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi:** dự phòng phải thu khó đòi được ước tính cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi đã quá hạn thanh toán, chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán vì lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn...

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:**

**Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:** Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc (-) trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng tồn kho lỗi thời, mất phẩm chất.

**Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:**

- Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm giá mua, chi phí vận chuyển và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa theo chi phí nguyên vật liệu chính.

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung phát sinh trong quá trình sản xuất. Giá trị sản phẩm dở cuối kỳ đang được tập hợp theo từng loại sản phẩm chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc, sản phẩm còn dở dang cuối kỳ.

Giá xuất Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

**Hạch toán hàng tồn kho:** Phương pháp kê khai thường xuyên.

**Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:** Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

**6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ):****6.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình:**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Xác định nguyên giá trong từng trường hợp

*Tài sản cố định hữu hình mua sắm*

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng, như chi phí lắp đặt, chạy thử, chuyên gia và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng theo phương thức giao thầu, nguyên giá là giá quyết toán công trình đầu tư xây dựng, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ (nếu có).

Tài sản cố định là nhà cửa, vật kiến trúc gắn liền với quyền sử dụng đất thì giá trị quyền sử dụng đất được xác định riêng biệt và ghi nhận là tài sản cố định vô hình.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**6.2 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ vô hình:**

**Tài sản cố định vô hình** được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến.

*Tài sản cố định vô hình mua dưới hình thức trao đổi*

Nguyên giá tài sản cố định vô hình mua dưới hình thức trao đổi với một tài sản cố định vô hình không tương tự hoặc tài sản khác được xác định theo giá trị hợp lý của tài sản cố định vô hình nhận về, hoặc giá trị hợp lý của tài sản đem trao đổi, sau khi điều chỉnh các khoản tiền hoặc tương đương tiền trả thêm hoặc thu về.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là giá trị quyền sở hữu 1.000 m2 sản văn phòng có giá trị là 13.435.977.000 đồng theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 27/2015/HTKD/CĐ-ĐXMB&MS ngày 31/3/2015 để thực hiện dự án Khu chức năng hỗn hợp (Khi nhà ở cao tầng kết hợp với dịch vụ thương mại, nhà ở thấp tầng và nhà trẻ mẫu giáo) tại phố Sài Đồng, phường Việt Hưng, quận Long Biên, thành phố Hà Nội. Đây là tài sản Công ty sẽ được quản lý, sử dụng trong tương lai khi thực hiện hợp đồng hợp tác kinh doanh và đã ghi tăng vốn Nhà nước với giá trị tương ứng theo Quyết định số 3468/QĐ-UBND ngày 24/7/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp và phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cơ điện Công trình.

**6.3 Phương pháp khấu hao TSCĐ**

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh.

*Thời gian hữu dụng ước tính của các TSCĐ như sau:*

<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	05- 50 năm
<i>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</i>	06 - 10 năm
<i>Thiết bị, dụng cụ quản lý</i>	03 - 10 năm

Công ty chưa thực hiện trích khấu hao đối với tài sản cố định khác là vườn cây lâu năm có nguyên giá là 651.085.030 đồng.

**7. Nguyên tắc kế toán các hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)**

Hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát là hoạt động liên doanh không thành lập một cơ sở kinh doanh mới. Các bên liên doanh có nghĩa vụ và được hưởng quyền lợi theo thỏa thuận trong hợp đồng. Hoạt động của hợp đồng liên doanh được các bên góp vốn thực hiện cùng với các hoạt động kinh doanh thông thường khác của từng bên.

Công ty ký hợp đồng liên danh số 08/2011/HĐ-HTKD ngày 05/4/2011 với Công ty Cổ phần Phát triển Tài nguyên Đông Dương về việc góp vốn đầu tư xây dựng dự án tại khu đất có diện tích 149.566 m2 thuộc xã Tả Thanh Oai, Thanh Trì, Hà Nội. Trước đó khu đất này do Công ty TNHH MTV Cơ điện Công trình - nay là Công ty Cổ phần Cơ điện Công trình được UBND thành phố Hà Nội giao làm chủ đầu tư xây dựng Nhà máy xử lý rác thải cho thành phố, nhưng đến nay việc xây dựng Nhà máy xử lý rác thải tại đây là không còn phù hợp. UBND thành phố Hà Nội đã có chủ trương cho phép Công ty nghiên cứu đề xuất chuyển đổi mục đích sử dụng đất sang dự án mới phù hợp với quy hoạch. Theo hợp đồng liên danh này, Công ty Cổ phần Phát triển Tài nguyên Đông Dương góp 49% tổng vốn đầu tư. Phần vốn góp 51% tổng vốn đầu tư của Dự án bao gồm vốn góp của Công ty và vốn của các đối tác khác do Công ty huy động, trực tiếp ký kết. Khoản lợi nhuận là cơ sở để tính lợi tức là khoản lợi nhuận mà Dự án có được, trừ đi các khoản nộp nghĩa vụ với Nhà nước theo quy định hiện hành và chi phí hợp lý khác (nếu có). Các bên được hưởng lợi tức theo tỷ lệ góp vốn trong Hợp đồng. Trên thực tế, đến thời điểm lập BCTC này, Công ty Cổ phần Phát triển Đông Dương chưa thực hiện việc góp vốn đầu tư dự án. Giá trị khoản vốn góp tương đương với 49% của Công ty này là 21.050.429.167 đồng được Công ty ghi nhận là khoản phải thu dài hạn khác tương ứng với phần vốn góp Chủ sở hữu được phê duyệt theo Quyết định Cổ phần hóa số 1366/QĐ-UBND ngày 18/3/2016 của UBND thành phố Hà Nội.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**8. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo nguyên giá và không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Các khoản phải trả thỏa mãn định nghĩa của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại cuối kỳ khi lập BCTC.

Công ty thực hiện phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải trả.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả (bao gồm việc đánh giá lại nợ phải trả thỏa mãn định nghĩa các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

**9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu****Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu:**

Vốn góp của chủ sở hữu do các thành viên góp vốn, hoặc được bổ sung từ lợi nhuận sau thuế của hoạt động kinh doanh. Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế chủ sở hữu đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của Công ty.

**Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối.**

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán, điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân phối lợi nhuận được căn cứ vào điều lệ Công ty và thông qua Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

**10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu và thu nhập khác****Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện: 1. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp; 2. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; 3. Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng Cân đối kế toán; 4. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu cho thuê tài sản**

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận theo nguyên tắc phân bổ số tiền cho thuê nhận trước phù hợp với thời gian cho thuê.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh doanh thu từ lãi các khoản tiền gửi, được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán trong kỳ; các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư và các chi phí khác được ghi nhận vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn trong kỳ báo cáo. Giá vốn được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Giá vốn hàng bán và doanh thu được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Các chi phí vượt trên mức tiêu hao bình thường được ghi nhận ngay vào giá vốn theo nguyên tắc thận trọng.

**12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

**Chi phí tài chính bao gồm:** Các khoản chi phí hoặc khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán...; Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí tài chính khác.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí khi thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

**13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành.**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của Công ty trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Các khoản thuế phải nộp ngân sách nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

**14. Các bên liên quan**

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Giám đốc, Hội đồng Quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/6/2023	01/01/2023
<b>Tiền</b>	<b>1.889.161.817</b>	<b>1.105.354.537</b>
Tiền mặt	186.164.449	1.384.403
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.702.997.368	1.103.970.134
<b>Các khoản tương đương tiền</b>	<b>4.325.721.992</b>	<b>6.727.316.342</b>
Tiền gửi ngân hàng kỳ hạn không quá 3 tháng (i)	4.325.721.992	6.727.316.342
<b>Cộng</b>	<b>6.214.883.809</b>	<b>7.832.670.879</b>

(i) Đây là khoản tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - chi nhánh Hà Nội, có kỳ hạn từ 1 -3 tháng.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**2. Các khoản đầu tư tài chính****a. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	30/6/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<b>Ngắn hạn</b>	<b>13.617.806.366</b>	<b>13.617.806.366</b>	<b>10.952.590.635</b>	<b>10.952.590.635</b>
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	13.617.806.366	13.617.806.366	10.952.590.635	10.952.590.635
<b>Cộng</b>	<b>13.617.806.366</b>	<b>13.617.806.366</b>	<b>10.952.590.635</b>	<b>10.952.590.635</b>

(i) Thông tin chi tiết các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn từ 03 tháng đến 12 tháng tại ngày 30/6/2023 như sau:

Tên ngân hàng	Số tiền
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - chi nhánh Đồng Đa	3.000.000.000
Ngân hàng Sài Gòn - Hà Nội - chi nhánh Đông Đô	2.500.000.000
Ngân hàng Sài Gòn - Hà Nội - chi nhánh Đông Đô	1.200.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - chi nhánh Hà Nội	6.917.806.366
<b>Tổng cộng</b>	<b>13.617.806.366</b>

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

## 2. Các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)

## b. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	30/6/2023		01/01/2023			
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý (*)	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý (*)
<b>Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</b>	<b>30.740.000.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>30.740.000.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
Công ty Cổ phần Bất động sản Sài Đồng	30.740.000.000	0	0	30.740.000.000	0	0
<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>	<b>16.000.000.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>16.000.000.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
Công ty Cổ phần Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu Khí	16.000.000.000	0	0	16.000.000.000	0	0
<b>Cộng</b>	<b>46.740.000.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>46.740.000.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>

(\*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

## 2. Các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)

Chi tiết các khoản đầu tư góp vốn vào công ty liên doanh, liên kết

Tên Công ty	30/6/2023		01/01/2023	
	Giá gốc khoản đầu tư	Tỷ lệ đã góp	Giá gốc khoản đầu tư	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty Cổ phần Bất động sản Sài Đồng	30.740.000.000	15,37%	30.740.000.000	29%
				15,37%
				29%

Tóm tắt tình hình hoạt động công ty liên doanh, liên kết

Công ty Cổ phần Bất động sản Sài Đồng được thành lập và hoạt động theo giấy đăng ký kinh doanh số 0106894004 cấp lần đầu ngày 06/07/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp được thay đổi lần 5 ngày 07/09/2020, Ngành nghề kinh doanh chính là kinh doanh bất động sản, xây dựng công trình dân sự và dịch vụ giải trí.

Chi tiết các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tên Công ty	30/6/2023		01/01/2023	
	Giá gốc khoản đầu tư	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc khoản đầu tư	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty Cổ phần Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu Khí	16.000.000.000	2,266%	16.000.000.000	2,266%
				2,266%
				2,266%

Tóm tắt tình hình hoạt động công ty

Công ty Cổ phần Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu Khí được thành lập và hoạt động theo giấy đăng ký kinh doanh số 0102354784 cấp lần đầu ngày 22/08/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp được, được thay đổi lần 15 ngày 08/07/2022, Ngành nghề kinh doanh chính là xây dựng khu dân cư, đô thị mới, khu du lịch, khu vui chơi giải trí.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

3. Phải thu của khách hàng	30/6/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Ngắn hạn</b>	<b>9.773.248.014</b>	-	<b>11.942.264.294</b>	-
Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 8	1.690.837.405	-	1.690.837.405	-
Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng quận Long Biên	1.489.069.018	-	1.489.069.018	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Contrexim số 8	942.621.200	-	942.621.200	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây Dựng 808	628.878.915	-	628.878.915	-
Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng huyện Gia Lâm	598.131.500	-	288.900.500	-
Xí nghiệp Xây dựng 60 - Công ty Xây lắp 665	472.037.400	-	472.037.400	-
Các khách hàng khác	3.951.672.576	-	6.429.919.856	-
<b>Cộng</b>	<b>9.773.248.014</b>	-	<b>11.942.264.294</b>	-

4. Trả trước cho người bán	30/6/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Ngắn hạn</b>	<b>830.804.349</b>	-	<b>702.520.348</b>	-
Công ty Cổ phần Lâm Viên Việt Nam	211.521.000	-	211.521.000	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng và ứng dụng công nghệ mới	149.000.000	-	149.000.000	-
Công ty Cổ phần Tư vấn và Định giá CPA Việt	145.000.000	-	55.000.000	-
Công ty TNHH Phát triển Thương mại Quang Long	92.800.375	-	92.800.375	-
Các nhà cung cấp khác	232.482.974	-	194.198.973	-
<b>Cộng</b>	<b>830.804.349</b>	-	<b>702.520.348</b>	-

5. Phải thu khác	30/6/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Ngắn hạn</b>	<b>9.097.994.045</b>	-	<b>9.035.189.529</b>	-
Lãi dự thu tiền gửi	225.120.619	-	134.331.333	-
Phải thu về cổ phần hóa	155.384.974	-	155.384.974	-
Tạm ứng	367.145.450	-	395.627.673	-
Phải thu khác	8.350.343.002	-	8.349.845.549	-
Phải thu Ban quản lý Dự án (i)	6.095.935.282	-	6.095.935.282	-
Chi phí nhân viên bảo vệ Nhà máy rác (ii)	1.306.070.481	-	1.143.563.966	-
Phải thu từ tạm ứng của CBCNV (iii)	793.396.237	-	912.828.924	-
Thuế GTGT không được khấu trừ	127.795.932	-	127.795.932	-
Phải thu BHXH của người lao động	27.145.070	-	69.721.445	-

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

<b>b. Dài hạn</b>	<b>21.063.117.599</b>	-	<b>21.063.117.599</b>	-
Công ty Cổ phần Phát triển Tài Nguyên Đông Dương (iv)				
Công ty Cổ phần Sông Hồng	21.050.429.167	-	21.050.429.167	-
	12.688.432	-	12.688.432	-
<b>Cộng</b>	<b>30.161.111.644</b>	-	<b>30.098.307.128</b>	-

(i), (ii): Các chi phí liên quan đến việc thực hiện Dự án trên khu đất tại xã Tả Thanh Oai, huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội. Trước đó khu đất này thuộc Dự án xây dựng Nhà máy xử lý rác thải do Công ty làm chủ đầu tư. Năm 2013 Thành phố có chủ trương cho nghiên cứu, lập "Dự án đầu tư Khu đô thị sinh thái, dịch vụ thương mại và thể dục thể thao". Mọi chi phí phát sinh liên quan sẽ được tập hợp lại và phân bổ cho các bên khi Dự án trên khu đất này được cấp có thẩm quyền quyết định cho phép triển khai.

(iii): Đây là các khoản tạm ứng của CBNV đã nghỉ việc. Trong đó:

- Khoản công nợ tạm ứng của ông Phạm Thanh Sơn số tiền 560.340.000 đồng đã phát sinh từ năm 2002 khi ông Cao Văn Sơn (Giám đốc Công ty) ký Hợp đồng mua đất của ông Nguyễn Hữu Bằng qua tạm ứng của ông Phạm Thanh Sơn - nhân viên Công ty. Ông Phạm Thanh Sơn đã nghỉ việc tại Công ty từ năm 2005. Khoản công nợ này đã được bàn giao giữa Giám đốc Công ty Cơ điện công trình (Cao Văn Sơn) và Giám đốc Công ty TNHH MTV Cơ điện Công trình (Nguyễn Quốc Đàm) khi bàn giao chuyển đổi Công ty năm 2005. Tháng 11 năm 2017 ông Nguyễn Quốc Đàm nghỉ hưu, khoản công nợ này vẫn không được giải quyết. Khoản công nợ này hiện khó có khả năng thu hồi.

- Khoản công nợ tạm ứng của ông Nguyễn Tiến Thanh số tiền 83.676.625 đồng đã phát sinh từ năm 2005 khi ông Nguyễn Tiến Thanh là nhân viên Xi nghiệp gạch. Tháng 10 năm 2007, ông Nguyễn Tiến Thanh đã tự nghỉ việc tại Công ty khi bị Công ty kỷ luật vì thu tiền nợ mua gạch của khách hàng nhưng không nộp về Công ty. Khoản công nợ này hiện không có khả năng thu hồi.

(iv) Khoản phải thu theo Hợp đồng liên danh số 08/2011/HĐ-HTĐT ngày 05/4/2011 về hợp tác đầu tư xây dựng, quản lý khai thác và kinh doanh Dự án Tổ hợp Công trình sinh thái, dịch vụ thương mại và thể dục thể thao tại xã Tả Thanh Oai, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội. Khoản phải thu này đã được ghi tăng vốn Nhà nước với giá trị tương ứng theo Quyết định số 3468/QĐ-UBND ngày 24/7/2015 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp và phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cơ điện Công trình. Ngày 04/04/2023 Công ty cổ phần Phát triển tài nguyên Đông Dương có văn bản xác nhận "ngay khi Cơ quan có thẩm quyền chấp thuận Dự án, Công ty cổ phần Phát triển tài nguyên Đông Dương được chấp thuận là thành viên cùng tham gia thực hiện Dự án, Công ty cổ phần Phát triển tài nguyên Đông Dương cam kết sẽ thanh toán mọi khoản chi phí như đã thống nhất theo Hợp đồng hợp tác đầu tư".

**6. Hàng tồn kho**

	30/6/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	154.222.262	-	154.222.262	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	676.158.735	-	676.158.735	-
Thành phẩm	109.995.491	-	109.995.491	-
Hàng hoá	2.241.309.878	-	2.241.309.878	-
<b>Cộng</b>	<b>3.181.686.366</b>	-	<b>3.181.686.366</b>	-

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

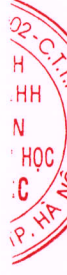
Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

7. Tài sản cố định hữu hình						
Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc (i)	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng cộng	
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu kỳ	62.269.514.534	4.383.516.907	165.842.727	651.085.030	<b>67.469.959.198</b>	
Số dư cuối kỳ	62.269.514.534	4.383.516.907	165.842.727	651.085.030	<b>67.469.959.198</b>	
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu kỳ	9.427.058.247	4.025.422.839	165.842.727	-	<b>13.618.323.813</b>	
<i>Khấu hao trong kỳ</i>	508.190.478	81.800.948	-	-	<b>589.991.426</b>	
Số dư cuối kỳ	9.935.248.725	4.107.223.787	165.842.727	-	<b>14.208.315.239</b>	
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số dư đầu kỳ	52.842.456.287	358.094.068	-	651.085.030	<b>53.851.635.385</b>	
Số dư cuối kỳ	52.334.265.809	276.293.120	-	651.085.030	<b>53.261.643.959</b>	

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 5.379.675.719 đồng.

(i) Trong đó, chi phí giải phóng mặt bằng đã được Sở Tài chính Hà Nội quyết toán là 17.607.916.631 đồng. Đây là tập hợp các chi phí phát sinh liên quan đến việc bồi thường hoa màu cho bà con nông dân và giải phóng mặt bằng khu đất thuộc dự án Xây dựng Nhà máy rác. Hiện dự án Nhà máy rác đã được dừng triển khai theo VB số 756/UBND-KH&ĐT ngày 07/02/2007 của UBND Thành phố Hà Nội và đang trong quá trình đề xuất chủ trương chuyển đổi mục đích sử dụng đất để lập dự án đầu tư mới theo quy hoạch chung xây dựng của Huyện Thanh Trì tỷ lệ 1/5000 đã được UBND Thành phố Hà Nội phê duyệt từ ngày 29/6/2009. Do vậy, Công ty không trích khấu hao đối với tài sản này.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**8. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản vô hình của Công ty là giá trị quyền sở hữu 1.000 m2 sàn văn phòng hình thành trong tương lai, giá trị 13.435.977.000 đồng, theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 27/2015/HTKD/CD-ĐXMB&MS ngày 31/3/2015 để thực hiện dự án Khu chức năng hỗn hợp (Khu nhà ở cao tầng kết hợp với dịch vụ thương mại, nhà ở thấp tầng và nhà trẻ mẫu giáo) tại phố Sài Đồng, phường Việt Hưng, quận Long Biên, thành phố Hà Nội. Đây là tài sản Công ty sẽ được quản lý, sử dụng trong tương lai khi thực hiện hợp đồng hợp tác kinh doanh và đã được ghi tăng vốn Nhà nước với giá trị tương ứng theo Quyết định số 3468/QĐ-UBND ngày 24/7/2015 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp và phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cơ điện Công trình.

**9. Phải trả người bán**

	30/6/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Ngắn hạn</b>	<b>4.640.544.789</b>	<b>4.640.544.789</b>	<b>5.834.477.689</b>	<b>5.834.477.689</b>
Công ty Cổ phần Sản xuất và Dịch vụ Cảnh quan Minh Khôi	870.704.852	870.704.852	870.704.852	870.704.852
Công ty TNHH Ngọc Khánh	863.927.971	863.927.971	863.927.971	863.927.971
Công ty TNHH Xuân Vinh	713.021.900	713.021.900	713.021.900	713.021.900
Các nhà cung cấp khác	2.192.890.066	2.192.890.066	3.386.822.966	3.386.822.966
<b>Cộng</b>	<b>4.640.544.789</b>	<b>4.640.544.789</b>	<b>5.834.477.689</b>	<b>5.834.477.689</b>

**10. Người mua trả tiền trước**

	30/6/2023	01/01/2023
<b>Ngắn hạn</b>	<b>433.962.487</b>	<b>433.962.490</b>
Tổng công ty Đầu tư Xây dựng Hoàng Long- CTCP	136.000.000	136.000.000
Công ty TNHH Tư vấn và Xây dựng Vincom	119.762.487	119.762.487
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tân Phát	90.750.000	90.750.000
Công ty Cổ phần Cầu 11 Thăng Long	87.450.000	87.450.000
Các khách hàng khác	-	3
<b>Cộng</b>	<b>433.962.487</b>	<b>433.962.490</b>

**11. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

	01/01/2023	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	30/6/2023
<b>a. Phải nộp</b>				
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	45.632.159	45.632.159	-
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>48.632.159</b>	<b>48.632.159</b>	<b>-</b>
<b>b. Phải thu</b>				
Thuế thu nhập cá nhân	166.986.371	-	-	166.986.371
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.183.852	-	-	8.183.852
<b>Cộng</b>	<b>175.170.223</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>175.170.223</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

12. Phải trả khác	30/6/2023	01/01/2023
<b>Ngắn hạn</b>		
Phải trả thoái thu bảo hiểm	221.391.130	221.391.130
Thuế TNCN nộp thừa	192.580.528	192.580.528
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.132.600	1.132.600
<b>Cộng</b>	<b>415.104.258</b>	<b>415.104.258</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn (i)	612.256.960	617.256.960
<b>Cộng</b>	<b>612.256.960</b>	<b>617.256.960</b>

(i) Đây là các khoản tiền đặt cọc dài hạn về thuê văn phòng tại sàn Tầng 8, tháp A, tòa nhà tổ hợp Sky Tower, 88 Láng Hạ, P.Láng hạ, Q.Đống Đa, Hà Nội

**13. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu kỳ trước (01/01/2022)	186.000.000.000	(73.363.068)	185.926.636.932
Lỗi trong kỳ trước	-	(747.800.911)	(747.800.911)
Số dư cuối kỳ trước (30/6/2022)	186.000.000.000	(821.163.979)	185.178.836.021
Số dư đầu kỳ này (01/01/2023)	186.000.000.000	(14.244.225.084)	171.755.774.916
Lỗi trong kỳ này	-	(263.556.065)	(263.556.065)
Số dư cuối kỳ này (30/6/2023)	186.000.000.000	(14.507.781.149)	171.492.218.851

**b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ vốn góp	30/6/2023	01/01/2023
Vốn góp của Nhà nước	98,89%	183.938.000.000	183.938.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	1,11%	2.062.000.000	2.062.000.000
<b>Cộng</b>	<b>100%</b>	<b>186.000.000.000</b>	<b>186.000.000.000</b>

**b. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu**

	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
<b>và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận</b>		
Vốn góp của chủ sở hữu	186.000.000.000	186.000.000.000
Vốn góp đầu kỳ	186.000.000.000	186.000.000.000
Vốn góp cuối kỳ	186.000.000.000	186.000.000.000

**c. Cổ phiếu**

	30/6/2023	01/01/2023
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	18.600.000	18.600.000
Cổ phiếu phổ thông	18.600.000	18.600.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18.600.000	18.600.000
Cổ phiếu phổ thông	18.600.000	18.600.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: đồng Việt Nam/cổ phiếu.	10.000	10.000

**14. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

Ngoại tệ các loại	30/6/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Giá trị (Đồng)	Giá trị	Giá trị (Đồng)
USD	783,47	18.341.033	891,98	20.881.252
EUR	266,29	6.704.959	271,62	6.714.028

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
<b>a. Doanh thu</b>		
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.727.329.143	962.091.536
<b>Cộng</b>	<b>1.727.329.143</b>	<b>962.091.536</b>
<b>2. Giá vốn hàng bán</b>		
Giá vốn của hàng bán và dịch vụ đã cung cấp	1.039.690.238	1.241.032.692
<b>Cộng</b>	<b>1.039.690.238</b>	<b>1.241.032.692</b>
<b>3. Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	515.275.685	341.748.744
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	118.636	48.207
<b>Cộng</b>	<b>515.394.321</b>	<b>341.796.951</b>
<b>4. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
<b>a. Chi phí bán hàng</b>		
Chi phí nhân viên	81.570.262	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.813.473	-
<b>Cộng</b>	<b>95.383.735</b>	<b>-</b>
<b>b. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
Chi phí nhân viên	602.106.389	663.668.144
Chi phí khấu hao TSCĐ	248.307.398	94.119.384
Thuế, phí, lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	210.482.438	3.847.774
Chi phí bằng tiền khác	267.536.403	4.833.889
<b>Cộng</b>	<b>1.331.432.628</b>	<b>769.469.191</b>
<b>5. Chi phí khác</b>		
Tiền phạt chậm nộp tờ khai thuế TNDN, bảo hiểm	12.650.000	41.187.515
Các khoản khác	27.116.817	-
<b>Cộng</b>	<b>39.766.817</b>	<b>41.187.515</b>
<b>6. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố</b>		
Chi phí nhân công	683.676.651	727.521.617
Chi phí khấu hao tài sản cố định	589.991.426	602.309.862
Chi phí dịch vụ mua ngoài	922.302.121	672.836.515
Chi phí khác bằng tiền	270.536.403	4.833.889
<b>Cộng</b>	<b>2.466.506.601</b>	<b>2.007.501.883</b>

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
1. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(263.556.065)	(747.800.911)
Các khoản điều chỉnh tăng/giảm	94.450.948	135.306.899
<i>Chi phí không được trừ</i>	<i>94.450.948</i>	<i>135.306.899</i>
2. Thu nhập tính thuế	(169.223.753)	(612.494.012)
3. Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(263.556.065)	(747.800.911)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(263.556.065)	(747.800.911)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	18.600.000	18.600.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>(14,17)</b>	<b>(40,20)</b>

## 9. Mục tiêu và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Các rủi ro chính từ công cụ tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản  
Ban Giám đốc xem xét và áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

## 9.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

**Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

**Rủi ro ngoại tệ**

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của công ty bằng các đơn vị tiền tệ khác Đồng Việt Nam.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các nghiệp vụ trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ của mình.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**9.2 Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

**Phải thu khách hàng**

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt công ty thường xuyên theo dõi chặt chẽ nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

**Tiền gửi ngân hàng**

Công ty chủ yếu duy trì số tiền gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Ban Giám đốc của Công ty đánh giá rằng hầu hết các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt.

**9.3 Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng theo cơ sở chưa được chiết khấu:

<b>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</b>	<i>Dưới 1 năm</i>	<i>Từ 1-5 năm</i>	<i>Trên 5 năm</i>	<i>Tổng cộng</i>
Phải trả người bán	4.640.544.789	-	-	<b>4.640.544.789</b>
Các khoản phải trả, phải nộp khác	415.104.258	612.256.960	-	<b>1.027.361.218</b>
<b>Cộng</b>	<b>5.055.649.047</b>	<b>612.256.960</b>	-	<b>5.667.906.007</b>
<b>Ngày 01 tháng 01 năm 2023</b>				
Phải trả người bán	5.834.477.689	-	-	<b>5.834.477.689</b>
Các khoản phải trả, phải nộp khác	415.104.258	617.256.960	-	<b>1.032.361.218</b>
<b>Cộng</b>	<b>6.249.581.947</b>	<b>617.256.960</b>	-	<b>6.866.838.907</b>

Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

Công ty không nắm giữ bất kỳ tài sản đảm bảo nào của bên thứ ba vào ngày 01 tháng 01 năm 2023 và ngày 30 tháng 6 năm 2023.

**10. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính**

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được dùng để ước tính giá trị hợp lý:

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Giá trị hợp lý của các chứng khoán và các công cụ nợ tài chính niêm yết được xác định theo giá trị thị trường.

Đối với các khoản đầu tư chứng khoán chưa niêm yết nhưng có giao dịch thường xuyên thì giá trị hợp lý được xác định là giá bình quân cung cấp bởi ba công ty chứng khoán độc lập tại ngày kết thúc năm tài chính.

Giá trị hợp lý của các chứng khoán, các khoản đầu tư tài chính mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cao cho các chứng khoán, các khoản đầu tư tài chính này được trình bày bằng giá trị ghi sổ.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**10. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính (tiếp theo)**

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	30/6/2023	01/01/2023	30/6/2023	01/01/2023
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Tài sản tài chính</b>				
- Tiền và các khoản tương đương tiền	6.214.883.809	-	1.105.354.537	-
- Đầu tư tài chính dài hạn	46.740.000.000	-	46.740.000.000	-
- Phải thu khách hàng	9.773.248.014	-	11.942.264.294	-
- Phải thu khác	30.161.111.644	-	30.098.307.128	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>92.889.243.467</b>	-	<b>89.885.925.959</b>	-
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
- Phải trả người bán	4.640.544.789	-	5.834.477.689	-
- Phải trả khác	415.104.258	-	415.104.258	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>5.055.649.047</b>	-	<b>6.249.581.947</b>	-

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Giao dịch với các bên liên quan**

Các giao dịch trọng yếu và số dư với các bên liên quan trong năm như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
<b>Thu nhập của các thành viên chủ chốt</b>	<b>99.527.274</b>	<b>170.153.453</b>
Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt	99.527.274	170.153.453
<b>Cộng</b>	<b>99.527.274</b>	<b>170.153.453</b>

**2. Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến 30/06/2022 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam.



Trần Phương Lan

Người lập biểu



Nguyễn Thị Vân Hà

Phụ trách kế toán



Cao Tiên Dũng

Chủ tịch HĐQT

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2023